

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN R  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 8 - 2021

“V/v: Tranh chấp Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN R**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mai Danh Hòa

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Duy Khải

2. Ông Tạ Văn Khách

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện R tham gia phiên tòa:** Ông Lê Thanh Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện R mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 441/2020/HNGĐ-ST ngày 08-12-2020 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02-8-2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Đinh Thị N, sinh năm: 1995 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Làng S, xã Xuân P, huyện Thọ X, tỉnh Thanh Hóa

*Bị đơn:* Ông Đỗ Công T, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện R, tỉnh Bình Phước

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đinh Thị N Trình bày trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ngày 01-10-2014, bà N và ông T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện M, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có sự quan tâm, lo lắng cho nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc,

mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hai bên đã tự hòa giải để cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng không có kết quả, bà N hiện về quê mẹ ở Thanh Hóa sinh sống. Nay, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đỗ Công T.

- *Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung*: Giữa bà N và ông T có 01 người con chung là Đỗ Yến N, sinh năm 2015, hiện cháu Nhi đang do bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà N có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nhi cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

- *Về tài sản và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Đỗ Công T trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Đỗ Công T đồng ý theo phần trình bày của bà Đinh Thị N về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng. Nay trước yêu cầu ly hôn của bà N thì ông T đồng ý ly hôn.

- *Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung*: Giữa bà N và ông T có 01 người con chung là Đỗ Yến N, sinh năm 2015, hiện cháu Nhi đang do bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn ông T đồng ý giao con chung là cháu N cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại phiên tòa***: Nguyên đơn bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông T thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện R tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:***

*Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

*Về nội dung vụ án*: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên cho nguyên đơn bà Đinh Thị N được ly hôn với bị đơn ông Đỗ Công T.

*Về con chung*: Bà N và ông T có 01 con chung tên 01 người con chung là Đỗ Yến N, sinh năm 2015, từ khi vợ chồng ly thân đến nay cháu Nhi do bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T đồng ý giao con chung là cháu Nhi cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp Ly hôn*”, các bên đương sự hiện cư trú tại thôn Đ, xã S, huyện R, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện R.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Đinh Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Đỗ Công T thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn bà Đinh Thị N, trong thời gian chung sống giữa nguyên đơn và bị đơn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đời sống chung vợ chồng không được hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống, không có sự quan tâm, chăm sóc gia đình. Xét thấy, bà N và ông T sống chung với nhau từ năm 2014, việc sống chung hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương theo quy định, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà N đã có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đưa vụ án ra xét xử đồng thời xin xét xử vắng mặt. Ngày 04-03-2021, Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương nơi ông bà sinh sống cũng thể hiện những mâu thuẫn nêu trên là đúng. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự nên cần ghi nhận theo Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung: Giữa bà N và ông T có 01 người con chung là Đỗ Yến N, sinh năm 2015, hiện cháu Nhi đang do bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà N có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nhi cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Ông T cũng đồng ý đồng ý giao con chung là cháu Nhi cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự nên cần ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà N không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đinh Thị N phải nộp theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 55, các Điều 57, 81,82,83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị N về việc “Tranh chấp Ly hôn”.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị N được ly hôn với ông Đỗ Công T.

2/ Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: giao con chung tên Đỗ Yến N, sinh năm 2015 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.*

*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.*

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà N không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3/ Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đinh Thị N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đó theo biên lai thu tiền số 0012006 ngày 08-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R, tỉnh Bình Phước. Bà N đã nộp đủ án phí.

Bị đơn ông Đỗ Công T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nguyên đơn bà Đinh Thị N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện R;
- CC THA DS huyện R;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Mai Danh Hòa**

**TAND HUYỆN R CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH BÌNH PHƯỚC** **Độc lập- Tự do-Hạnh phúc**

----\*\*\*----

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi 09 giờ 30 ngày 18-4-2018, tại Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Dương

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Sỹ Luận

2/ Ông Phạm Văn Khuyến

Đã tiến hành nghị án đối với vụ án thụ lý số 05/2017/HNGĐ-ST ngày 04-10-2017 về việc “*Tranh chấp Ly hôn*”, giữa:

*Nguyên đơn*: Ông Phạm Văn Thoại, sinh năm: 1973.

*Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Thu (tên gọi khác: Nguyễn Thị Ngọc Thu), sinh năm: 1975.

Cùng địa chỉ: Thôn 5, xã Long Tân, huyện R, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,**  
**QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, các điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn Thoại về việc tranh chấp ly hôn.

**1/ Về quan hệ hôn nhân:** Ông Phạm Văn Thoại được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu (tên gọi khác: Nguyễn Thị Ngọc Thu).

**2/ Về việc nuôi con, về tài sản chung và nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:** Ông Phạm Văn Thoại phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã

nộp trước đó theo biên lai thu tiền số 026050 ngày 04-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R, tỉnh Bình Phước. Ông Thoại đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn ông Phạm Văn Thoại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Kết quả biểu quyết: 03/03 nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 00 phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Sỹ Luận**

**Phạm Văn Khuyến**

**Ngô Văn Dương**